

Bản án số: 177/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-5-2024  
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thanh Minh.  
Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2440/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc Thúy L**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Số B đường B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: Ông **Vu J (John V)**, sinh năm 1966; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: **A M, G, CA I, Hoa Kỳ.**

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L** trình bày:

Bà và ông **Vu J (J)** quen biết nhau từ năm 2013 do gia đình giới thiệu. Ông **Vu J (J)** có sang **Việt Nam** thăm bà, sau một thời gian tìm hiểu hai người tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2263, Quyển số 11 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam khoảng 01 tháng thì ông **Vu J (J V)** trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, hai người liên hệ với nhau thường xuyên qua mạng xã hội. Mỗi năm ông **Vu J (J V)** sang **Việt Nam** sống cùng bà khoảng 01 tháng.

Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 nên ông **Vu J (J V)** không thể sang Việt Nam trong các năm 2021 và 2022. Trong khoảng thời gian này, bà phát hiện ông **Vu J (J V)** không chung thủy, hai người thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã. Tháng 11 năm 2022, bà đã từng khởi kiện ly hôn nhưng đầu năm 2023 ông **Vu J (J V)** sang Việt Nam cố gắng hòa giải, đoàn tụ nên bà đã rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó ông **Vu J (J V)** vẫn tiếp tục không chung thủy nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Vu J (J V)**.

Về con chung: Bà và ông **Vu J (J V)** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông **Vu J (J V)** không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2023 (đã được tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 02 tháng 08 năm 2023), bị đơn ông **Vu J (J V)** trình bày:

Ông và bà **Phạm Ngọc Thúy L** tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2263, Quyển số 11 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014. Sau khi kết hôn ông trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc còn bà **L** ở lại Việt Nam, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng sống cách xa, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn bà **Phạm Ngọc Thúy L**.

Về con chung: Ông và bà **Phạm Ngọc Thúy L** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà **Phạm Ngọc T Lan** không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông **Vu J (J V)** hiện đang cư trú tại H chúng quốc Hoa Kỳ; nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L** cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; bị đơn trong vụ án là ông **Vu J (J V)** hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 2263, Quyền số 11 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L** và bị đơn ông **Vu J (J V)** thì vợ chồng ông bà chỉ chung sống với nhau trong một khoảng thời gian ngắn, cuộc sống mỗi người một nơi nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trở nên trầm trọng. Bà **L** đã từng khởi kiện ly hôn nhưng rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện hòa giải, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Bà **Phạm Ngọc Thúy L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và ông **Vu J (J V)** cũng đồng ý.

Xét thấy, bà **Phạm Ngọc Thúy L** và ông **Vu J (J V)** cùng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mặc dù đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và bị đơn cũng đồng ý, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho bà **Phạm Ngọc T** Lan ly hôn ông **Vu J (J V)**.

Về con chung: Bà **Phạm Ngọc Thúy L** và ông **Vu J (J V)** cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Bà **Phạm Ngọc Thúy L** và ông **Vu J (J V)** cùng trình bày giữa hai người không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 19, 56, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Ngọc Thúy L** được ly hôn ông **Vu J** (J V).

Giấy chứng nhận kết hôn số 2263, Quyển số 11 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Các đương sự trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Phạm Ngọc Thúy L** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0001106 ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nở**

**Phan Thanh Minh**

**Nguyễn Văn Tuấn**